

tìm thấy sự liên quan với các đặc tính khác như tuổi, giới tính, thời gian mắc bệnh và tăng huyết áp.

Cảm ơn. Nhóm nghiên cứu trân trọng cảm ơn Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh đã hỗ trợ kinh phí để chúng tôi thực hiện nghiên cứu này

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Wild S, Roglic G, Green A, Sicree R, King H (2004).** Global prevalence of diabetes: estimates for the year 2000 and projections for 2030. *Diabetes Care*; 27(5):1047–53.
2. **Stratton IM, Adler AI, Neil HA, et al. (2000).** Association of glycaemia with macrovascular and microvascular complications of type 2 diabetes (UKPDS 35): prospective observational study. *BMJ*; 321(7258):405–12.
3. **Mazidi M, Toth PP, Banach M. (2018).** C-reactive protein is associated with prevalence of the metabolic syndrome, hypertension, and diabetes mellitus in US adults. *Angiology*; 69(5):438–42.
4. **Hwang YC, Morrow DA, Cannon CP, et al. (2018).** High-sensitivity C-reactive protein, low-density lipoprotein cholesterol and cardiovascular outcomes in patients with type 2 diabetes in the EXAMINE (examination of cardiovascular outcomes with Alogliptin versus standard of Care) trial. *Diabetes Obes Metab*; 20(3):654–9.
5. **Al-Shukaili A, et al. (2013).** Analysis of inflammatory mediators in type 2 diabetes patients. *International journal of endocrinology*, pp. 7.
6. **Kanter JE, et al. (2008).** "Diabetes-accelerated atherosclerosis and inflammation". *Circulation research*, 103 (8), p116-117.
7. **American Diabetes Association (2020)** "Standards of medical care in diabetes ". *Diabetes Care* 43 (1), p 7-14.
8. **Garcia, VP, Rocha HN, Sales AR, Rocha NG, & da Nóbrega AC (2016).** Sex Differences in High Sensitivity C-Reactive Protein in Subjects with Risk Factors of Metabolic Syndrome. *Arquivos brasileiros de cardiologia*, 106(3), 182–187.

KHẢO SÁT KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, BIẾN CỐ BẤT LỢI SAU TIÊM VACCIN COVID 19 Ở PHỤ NỮ CHO CON BÚ

Đặng Thị Soa¹, Trần Thị Oanh¹, Vũ Thị Thủy¹

TÓM TẮT

Coronavirus 2019 (COVID-19) đã tạo ra đại dịch toàn cầu. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đến tháng 8/2021 có hơn 200 triệu người nhiễm Covid – 19, trong đó có hơn 4 triệu ca tử vong trên toàn thế giới [1]. Nhiều loại vắc xin COVID-19 hiệu quả và an toàn đã được phát triển. Tuy nhiên, dữ liệu nghiên cứu trong quá trình phát triển vaccin trên phụ nữ cho con bú vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là Việt Nam. Chính vì vậy mà, dữ liệu về tính an toàn của vaccin này cho đối tượng đặc biệt trên thực tế vô cùng quan trọng. Nghiên cứu thực hiện đề tài với **mục tiêu** khảo sát kiến thức, thái độ, biến cố bất lợi sau tiêm vaccin Covid 19 trên phụ nữ cho con bú. **Đối tượng, phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang các câu trả lời của phụ nữ cho con bú đã tiêm vaccin Covid 19 được thu thập ngẫu nhiên, thuận tiện trên toàn quốc thông qua bộ câu hỏi online với link <https://forms.gle/sK9gWneMaZ75pJNj8>. **Kết quả:** cơ mẫu 89 phụ nữ mang cho con bú đã tiêm vaccin Covid – 19, tuổi trung bình 31,4 ± 3,49; tuổi con trung bình 9,43 ± 6,54 tháng, có 4 loại vaccin – Covid 19 được tiêm là Comirnaty (22/89), Moderna (17/89), AstraZeneca (44/89), Verocell (4/89). 76/89 tiêm 1 mũi. Đa phần có tìm hiểu về vaccin Covid – 19 (96,6%) chủ yếu thông qua mạng xã hội, báo mạng (80,9%). 100% sẵn lòng tiêm vaccin Covid – 19 và

96,6% đồng ý tiêm vaccin đem lại lợi ích vượt trội nguy cơ nhưng đa phần lo lắng về phản ứng bất lợi ảnh hưởng đến con (78,7%). Có 79/89 trường hợp gặp biến cố bất lợi sau tiêm trên mẹ, chủ yếu là đau cơ, sốt nhẹ, mệt mỏi, sưng đau chỗ tiêm, không gặp biến cố nặng. Có 16/87 trường hợp ghi nhận biến cố bất lợi trên con (ngủ li bì, bú ít, quấy khóc, khó ngủ). Cho con bú ngay sau khi tiêm không làm tăng nguy cơ gặp biến cố trên con với khoảng tin cậy CI (0,53-1,59) và không có mối liên quan giữa loại vaccin với các biến cố xảy ra trên con (P> 0,05). **Kết Luận:** Phụ nữ cho con bú đều đồng ý tiêm vaccin Covid – 19 mang lại lợi ích vượt trội nguy cơ, sẵn sàng tiêm vaccin Covid – 19 nhưng vẫn còn tâm lý lo lắng các biến cố ảnh hưởng tới con. Ghi nhận một số biến cố xảy ra trên con tuy nhiên là nhẹ. Không có mối liên quan giữa cho con bú ngay, loại vaccin Covid – 19 với biến cố xảy ra trên con.

Từ khóa: Vaccin Covid- 19, phụ nữ cho con bú, biến cố bất lợi, thái độ, kiến thức

SUMMARY

SURVEY OF KNOWLEDGE, ATTITUDE, ADVERSE EVENTS AFTER IMPORTING COVID 19 VACCIN IN BREASTFEEDING

Coronavirus 2019 (COVID-19) has created a global pandemic. According to statistics of the World Health Organization (WHO), by August 2021, more than 200 million people have been infected with Covid - 19, of which more than 4 million have died worldwide [1]. Many effective and safe COVID-19 vaccines have been developed. However, research data in the process of developing vaccines on breastfeeding women is still limited, especially in Vietnam. Therefore, data on the safety of this vaccine for special populations is in fact extremely important. The study carried out the topic

¹Trường Đại Học Y Khoa Vinh
 Chịu trách nhiệm chính: Đặng Thị Soa
 Email: Dangsoadhk@gmail.com
 Ngày nhận bài: 5.11.2021
 Ngày phản biện khoa học: 24.12.2021
 Ngày duyệt bài: 6.01.2022

with the goal of surveying knowledge, attitudes, and adverse events after vaccination against Covid-19 in breastfeeding women. **Subjects, research methods:** A cross-sectional description of responses from nursing women who received the Covid-19 vaccine were randomly and conveniently collected nationwide through an online questionnaire with a link [https:// forms.gle/sK9gWneMaZ75pJNJ8](https://forms.gle/sK9gWneMaZ75pJNJ8). **Results:** sample of 89 breastfeeding women who received Covid-19 vaccine, mean age 31.4 ± 3.49 ; The average age of the child was 9.43 ± 6.54 months, there were 4 vaccines - Covid 19 was injected: Comirnaty (22/89), Moderna (17/89), AstraZeneca (44/89), Verocell (4/89) . 76/89 injected 1 dose. Most learned about the Covid-19 vaccine (96.6%) mainly through social networks and online newspapers (80.9%). 100% are willing to get vaccinated against Covid-19 and 96.6% agree that vaccination brings benefits that outweigh the risks, but most are worried about adverse reactions affecting their children (78.7%). There were 79/89 cases of adverse events after injection on the mother, mainly myalgia, mild fever, fatigue, pain at injection site, no serious complications. There were 16/87 cases of adverse events in the baby (sleepiness, little feeding, fussiness, trouble sleeping). Breastfeeding immediately after vaccination did not increase the risk of adverse events in the infant with the CI (0.53-1.59) and there was no association between the vaccine and adverse events in the infant ($P > 0.05$). **Conclusions:** Breastfeeding women all agree that the benefits of the Covid-19 vaccine outweigh the risks, are ready to receive the Covid-19 vaccine, but are still worried about the events affecting the baby. Recorded some events that occurred in the child but were mild. There was no association between immediate breastfeeding, the Covid-19 vaccine and events occurring in the baby.

Keywords: Covid-19 vaccine, breastfeeding women, adverse events, attitude, knowledge

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Coronavirus 2019 (COVID-19) đã tạo ra đại dịch toàn cầu. Nó đã ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống, hệ thống chăm sóc y tế, nền kinh tế toàn cầu. Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đến tháng 8/2021 có hơn 200 triệu người nhiễm Covid – 19, trong đó có hơn 4 triệu ca tử vong trên toàn thế giới [1]. Nhiều loại vắc xin COVID-19 hiệu quả và an toàn đã được phát triển nhờ nỗ lực của cộng đồng khoa học và sự hợp tác giữa chính phủ và các công ty dược phẩm như Pfizer/BioNTech, Moderna, Janssen, Oxford/AstraZeneca, Sinopharm, SinoVac, hiện tại đã có 4,6 tỷ liều vaccin Covid 19 được tiêm cho người dân trên toàn cầu [1,2]. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã đưa ra hướng dẫn cụ thể về sử dụng vaccin Covid 19 cho đối tượng phụ nữ mang thai, phụ nữ cho con bú [2,3,4]. Tuy nhiên, dữ liệu nghiên cứu trong quá trình phát triển vaccin trên đối tượng đặc biệt này vẫn còn nhiều hạn chế, các

nghiên cứu trên đối tượng này mới chỉ dừng lại trên thử nghiệm tiền lâm sàng [2]. Chính vì vậy mà, dữ liệu về tính an toàn của vaccin này cho đối tượng đặc biệt trên thực tế vô cùng quan trọng. Trên thế giới, có nhiều nghiên cứu theo dõi hiệu quả và an toàn của vaccin Covid trên phụ nữ mang thai và cho con bú đã được tiến hành. Tuy nhiên, ở Việt Nam dữ liệu này hiện nay còn rất hạn chế. Chính vì vậy, nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài với mục tiêu khảo sát kiến thức, thái độ, biến cố bất lợi sau tiêm vaccin Covid 19 trên cho con bú. *Nhằm cung cấp thêm dữ liệu về mặt an toàn của vaccin Covid 19 cho đối tượng này tại Việt nam.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Phụ nữ cho con bú đã tiêm vaccin Covid 19 tại Việt Nam từ 28/8- 30/10/2021 đồng ý tham gia nghiên cứu, loại trừ những trường hợp không trả lời đầy đủ các câu hỏi yêu cầu trong phiếu khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang các câu trả lời của 89 phụ nữ cho con bú đã tiêm vaccin Covid -19 được thu thập ngẫu nhiên, thuận tiện trên toàn quốc thông qua bộ câu hỏi online với link <https://forms.gle/sK9gWneMaZ75pJNJ8>.

Tiêu chuẩn đánh giá không có biến cố xảy ra là không có bất kỳ một phản ứng bất lợi nào xảy ra, có biến cố xảy ra là chỉ cần ít nhất có một biến cố xảy ra. Phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS 20.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Đặc điểm	Giá trị		
	Số lượng	Tỷ lệ % (N=89)	
Tuổi mẹ trung bình	$31,4 \pm 3,49$		
Con < 6 tháng	30	33,7	
Con từ 6- 12 tháng	34	38,2	
Con > 12 tháng	25	28,1	
Tuổi con trung bình	$9,43 \pm 6,54$		
Nghề nghiệp	Cán bộ y tế	28	31,5
	Công viên chức	26	29,2
	Công nhân	5	5,6
	Khác	30	33,7
Nơi sống	Hà Nội	20	22,5
	TPHCM	8	9,0
	Nghệ An	43	48,3
	Khác	18	20,2
Bệnh lý mắc kèm	Không mắc bệnh	65	73,0
	Rối loạn đông	3	3,4

	máu		
	Nội tiết	7	7,9
	Dị ứng	4	4,5
	Khác	10	11,2
Vaccin được tiêm trên phụ nữ cho con bú	Comirnaty	22	24,7
	Moderna	17	19,1
	Astrazeneca	46	51,7
	Verocell	4	4,5
Số mũi tiêm	1 mũi	76	85,4
	2 mũi	13	14,6

Nhận xét: Tuổi mẹ trung bình là 31,4 ± 3,49; Tháng tuổi con trung bình là 9,43 ± 6,54, trong đó dưới 6 tháng 33,7% (nhỏ nhất 20 ngày tuổi), chủ yếu là cán bộ y tế, công viên chức (31,5%; 29,2%); đa phần là không có bệnh lý mắc kèm 73,0%, rối loạn đông máu có 3/89, dị ứng 4/89 trường hợp. Phần lớn là tiêm vaccin Astrazeneca 51,7%, Comirnaty 24,7%; Moderna 19,1%, Verocell có 4/89 trường hợp; 1 mũi (85,4%).

3.2. Kiến thức, thái độ của phụ nữ cho con bú về tiêm vaccin Covid 19

Bảng 2. Kiến thức, thái độ phụ nữ cho con bú về tiêm vaccin Covid 19

Đặc điểm	Giá trị		
	Số lượng	Tỷ lệ %	
Có tìm hiểu về vaccin Covid- 19	86	96,6	
Tìm hiểu về tác dụng không mong muốn của vaccin	88	98,9	
Nguồn tìm hiểu về vaccin	Mạng xã hội, báo mạng	72	80,9
	Tập huấn	9	10,1
	Khác (người thân, báo giấy...)	8	9,0
Muốn lựa chọn loại vaccin	81	91,0	
Sẵn lòng tiêm vaccin	89	100	
Lo ngại về nguy cơ xuất hiện phản ứng nghiêm trọng sau khi tiêm	Không	11	12,4
	Hơi lo lắng	54	60,6
	Rất lo lắng	24	27,0
Lo lắng ảnh hưởng tới con	70	78,7	
Thấy lợi ích vượt trội nguy cơ	Rất đồng ý, Đồng ý	86	96,6
	Trung lập	3	3,4
Biện pháp hạn chế phản ứng bất lợi	Không dùng	44	49,4
	Uống paracetamol	25	28,1
	Khác (Lá tía tô, diếp cá, nước cam, nước dừa, mát xa cơ thể, chườm mát)	20	22,5
Thời gian cho con bú lại	Bú ngay	54	60,7
	≥ 2 tiếng	14	15,7
	≥ 6 tiếng	6	6,7
	≥ 1 ngày	13	14,6
	Cai sữa luôn	2	2,2

Nhận xét: Hầu hết phụ nữ cho con bú trong mẫu nghiên cứu đều tìm hiểu thông tin về vaccin Covid -19 (96,6%), nguồn thông tin họ tìm chủ yếu từ mạng xã hội, báo mạng (80,9%), 100% sẵn lòng tiêm vaccin và cho rằng tiêm vaccin là lợi ích vượt trội nguy cơ (96,6%), tuy nhiên đa phần họ muốn được lựa chọn vaccin (91%), lo ngại về các phản ứng bất lợi nghiêm trọng (87,6%), lo ngại ảnh hưởng tới con (78,7%). 49,4% không dùng các biện pháp hạn chế phản ứng bất lợi sau tiêm, một số dùng các biện pháp như uống paracetamol, nước lá tía tô, uống nước cam.... Vẫn có 39,3% bà mẹ trì hoãn việc cho con bú sau tiêm, trên 1 ngày 13/89 trường hợp (sau 2 ngày, 1 tháng...), đặc biệt có 2 trường hợp cai sữa ngay sau khi tiêm.

3.3. Biến cố bất lợi sau tiêm vaccin Covid-19

3.3.1. Biến cố bất lợi trên phụ nữ cho con bú

Bảng 3. Biến cố bất lợi sau tiêm trên phụ nữ cho con bú

Đặc điểm	Giá trị		
	Số lượng	Tỷ lệ % (N=89)	
Có xảy ra biến cố	1 biến cố bất lợi	26	29,2
	2 biến cố bất lợi	19	21,3
	3 biến cố bất lợi	17	19,1
	≥4 biến cố bất lợi	17	19,1
Không xảy ra biến cố	10	11,3	

Nhận xét: Có 79/89 trường hợp gặp biến cố bất lợi sau tiêm, trong đó 29,2% gặp 1 biến cố, gặp 2,3, trên 4 biến cố bất lợi lần lượt là 21,3%; 19,1%; 19,1%.

Bảng 4. Đặc điểm các biến cố xảy ra ở

phụ nữ cho con bú

Phản ứng bất lợi		Số lượng	Tỷ lệ % (N=89)	
Trên mẹ	Sốt	≥ 39	2, 2,2	
		37 -39	29, 32,6	
		Không sốt	58, 65,2	
	Phản ứng chỗ tiêm (ngứa, sưng, đỏ)		33	37,1
	Đau đầu		38	42,7
	Đau cơ		46	51,7
	Đau Khớp			
	Mệt mỏi		23	25,8
	Sữa ít		13	14,6
	Khác (Nhạy cảm đau, ớn lạnh, chóng mặt...)		26	29,2
Trên con	Không xảy ra biến cố		71, 79,8	
	Cai sữa sau khi tiêm		2, 2,2	
	Có biến cố xảy ra	Bú ít	5, 5,6	
		Ngủ li bì	4, 4,5	
		Quấy khóc, khó ngủ	6, 6,7	
		Nổi mẩn	1, 1,1	

Nhận xét. Biến cố trên mẹ: Không gặp biến cố nặng như shock phản vệ, biến cố gặp chủ yếu là đau cơ, sốt nhẹ, mệt mỏi, sưng đau chỗ tiêm. Trong đó đau cơ gặp 51,7%, phản ứng sưng, đau chỗ tiêm số lượt gặp 37,1%, mệt mỏi 25,8%, sốt 34,8% (trong đó có 2 trường hợp sốt cao trên 39 C^o). Đa phần không ghi nhận biến cố xảy ra trên con (79,8%). Một số biến cố ghi nhận: trẻ ngủ li bì, quấy khóc, khó ngủ; nổi mẩn; bú ít.

Bảng 5. Mỗi liên quan thời gian cho con bú lại và biến cố xảy ra trên con

Đặc điểm		Không có biến cố trên con	Có biến cố trên con	OR, CI, P
Thời điểm bú	Cho bú ngay sau tiêm	42	10	OR= 0,9 CI (0,53-1,59)
	Từ 2 tiếng trở lên sau tiêm	29	6	
	Tổng	71	16	
Loại vaccin Covid - 19	Comirnaty	33	11	P =0,136
	Moderna	3	1	
	Astrazeneca	16	1	
	Verocell	19	3	
	Tổng	71	16	

Nhận xét: Cho con bú ngay không làm tăng nguy cơ gặp biến cố bất lợi trên con với CI (0,53-1,59). Không có mối liên quan giữa loại vaccin Covid- 19 và biến cố xảy ra trên con với P > 0,05.

IV. BÀN LUẬN

Trong thời gian lấy mẫu 2 tháng, nhóm

nghiên cứu mới chỉ thu thập được cỡ mẫu còn hạn chế (89 phụ nữ cho con bú đã tiêm vaccin Covid – 19), lý do đến thời điểm 10/9/2021, Bộ Y tế ban hành quyết định 4355/QĐ- BYT về khám sàng lọc trước tiêm có bổ sung chỉ định tiêm vaccin Covid – 19 cho phụ nữ cho con bú [5]. Trước đó, đối tượng này ở nhóm trì hoãn, chỉ ưu tiên tiêm cho những phụ nữ cho con bú có nguy cơ cao (như cán bộ y tế, trong vùng dịch).

Kết quả nghiên cứu cho thấy 30/89 trường hợp tiêm vaccin Covid – 19 ở thời điểm con dưới 6 tháng cuối, (trong đó nhỏ nhất 20 ngày tuổi). Chủ yếu được tiêm AstraZeneca (44/89), Comirnaty (22/89), Moderna (17/89), Verocell (4/89). Theo BYT thì chỉ chống chỉ định vaccin Sputnik V cho phụ nữ cho con bú. Các phản ứng bất lợi xảy ra trên mẹ hầu hết là nhẹ như đau cơ, mệt mỏi...Không có trường hợp nào gặp phản ứng bất lợi nặng như shock phản vệ. Đa phần là phản ứng bất lợi ít xảy ra trên con, có 16/87 trường hợp ghi nhận phản ứng bất lợi trên con (quấy khóc, ngủ ít, ngủ li bì, bú ít hơn), không có mối liên quan phản ứng bất lợi này với thời điểm cho con bú lại sau tiêm, loại vaccin Covid – 19 được tiêm. Cần thu thập thêm nhiều dữ liệu để khẳng định thêm tính an toàn của các loại vaccin này trên đối tượng đặc biệt, có ý nghĩa rất lớn trong thời điểm dịch bệnh phức tạp và tình trạng khan hiếm vaccin như hiện nay.

Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu hết phụ nữ cho con bú cho rằng vaccin Covid – 19 mang lại lợi ích vượt trội so với nguy cơ và họ sẵn sàng tiêm vaccin. Tuy nhiên, đa phần vẫn còn lo lắng các biến cố bất lợi có thể xảy ra và đặc biệt trên lo lắng xảy ra trên con. Đặc biệt trong mẫu nghiên cứu có 2 trường hợp vì quá lo lắng ảnh hưởng của vaccin Covid – 19 đến con mà họ đã cai sữa con ngay sau khi tiêm, một số bà mẹ trì hoãn việc cho con bú (sau 2 ngày, 1 tuần và thậm chí là 1 tháng). Chính vì vậy mà cần thu thập thêm nhiều dữ liệu về độ an toàn của vaccin Covid – 19 trên đối tượng đặc biệt này để khẳng định thêm về độ an toàn, để phụ nữ cho con bú có thể yên tâm tiêm vaccin Covid – 19 từ đó hạn chế tối đa các hậu quả xấu nhất của Covid – 19 ảnh hưởng tới đối tượng này.

V. KẾT LUẬN

Phụ nữ cho con bú đều đồng ý tiêm vaccin Covid – 19 mang lại lợi ích vượt trội nguy cơ, sẵn sàng tiêm vaccin Covid – 19 nhưng vẫn còn tâm lý lo lắng các biến cố ảnh hưởng tới con. Ghi nhận một số biến cố xảy ra trên con tuy nhiên là nhẹ. Không có mối liên quan giữa cho con bú

ngay, loại vaccin Covid – 19 với biến cố xảy ra trên con.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://covid19.who.int/>

2. **Ishan Garg, Rahul Shekhar (2021)**, COVID-19 Vaccine in Pregnant and Lactating Women: A Review of Existing Evidence and Practice Guidelines, *Infect. Dis. Rep.* 2021, 13

3. **Bộ Y tế (8/2021)**, Quyết định về việc hướng dẫn tạm thời khám sàng lọc trước tiêm chủng vaccin phòng Covid – 19, Quyết định số 3802/QĐ-BYT ngày 10/8/2021

4. **Pregnancy**, breastfeeding and the coronavirus vaccine. NHS inform. Last updated: 28 July 2021.

5. **Bộ Y tế (10/9/2020)**, Quyết định về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời khám sàng lọc trước tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19.

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG – CẬN LÂM SÀNG CỦA BỆNH NHÂN U TRUNG THẤT ĐƯỢC ĐIỀU TRỊ BẰNG PHẪU THUẬT NỘI SOI MỘT LỖ

Ngô Gia Khánh¹, Nguyễn Hữu Ước², Trần Trọng Kiêm³

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Phẫu thuật nội soi một lỗ đã được áp dụng trong điều trị nhiều bệnh lý lồng ngực khác nhau từ đơn giản đến phức tạp, trong đó có U trung thất. Với mỗi kỹ thuật sẽ phù hợp với những đối tượng bệnh nhân nhất định. **Mục tiêu:** của báo cáo này là đánh giá đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng của những bệnh nhân có u trung thất được điều trị bằng phẫu thuật nội soi lồng ngực một lỗ. **Đối tượng:** Bao gồm 65 bệnh nhân u trung thất được điều trị bằng phẫu thuật nội soi lồng ngực một lỗ (trong đó có 59 ca thực hiện thành công) tại Khoa phẫu thuật lồng ngực Bệnh viện Bạch Mai trong thời gian từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2020. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu tiền cứu mô tả. **Kết quả:** 22% không có triệu chứng lâm sàng, triệu chứng hay gặp nhất là đau ngực 45,8%. 28,8% không phát hiện được trên Xquang ngực, dấu hiệu bóng mờ hay gặp nhất 35,6%. Kích thước U trung bình là $5,1 \pm 2,1$ cm chủ yếu là nhóm u kích thước vừa và lớn. U có cấu trúc đặc ở trung thất trước là loại hay gặp nhất. **Kết luận:** Phẫu thuật nội soi một lỗ có thể thực hiện thành công với các loại u có cấu trúc khác nhau, ở các vị trí khác nhau, có thể thực hiện kể cả với những khối u lớn (lớn nhất 12,5cm).

SUMMARY

CLINICAL AND PARA CLINICAL CHARACTERISTICS OF PATIENTS WITH MEDIASTINAL TUMOR TREATED BY SINGLE-PORT VIDEO ASSISTED THORACIC SURGERY

Background: Single-port VATS has been applied in the treatment of many different thoracic diseases from simple to complex, including mediastinal tumor. For a technique will be suitable for selective patients.

¹Bệnh viện Bạch Mai

²Bệnh viện Việt Đức, Đại học Y Hà Nội

³Bệnh viện 108

Chịu trách nhiệm chính: Ngô Gia Khánh

Email: drgiakhanh@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.11.2021

Ngày phản biện khoa học: 29.12.2021

Ngày duyệt bài: 10.01.2022

Objective: this report is to evaluate the clinical and paraclinical characteristics of patients with mediastinal tumor treated by single-port VATS. **Subjects:** Including 65 mediastinal tumor patients who were treated by single-port VATS (of which 59 were successfully performed) at the Department of Thoracic Surgery of Bach Mai Hospital from January, 2017 to December, 2020. **Methods:** Descriptive prospective study. **Results:** 22% asymptomatic, the most common symptom was chest pain 45.8%. 28.8% could not be detected on chest X-ray, the most common shadow sign was 35.6%. The average tumor size is 5.1 ± 2.1 cm, mainly in the group of medium and large tumors. Tumor with solid in the anterior mediastinum is the most common type. **Conclusion:** Single-port can be successfully performed with different types of tumors and different locations, even with large tumors (the largest 12.5cm).

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

U trung thất là khái niệm để chỉ các khối u nguyên phát từ các cơ quan trong trung thất. Đây là một tổn thương rất phong phú, theo thống kê có khoảng 2400 loại khác nhau được báo cáo. Hầu hết các khối u trong trung thất đều có chỉ định can thiệp phẫu thuật. Trước đây, phẫu thuật mở xương ức hoặc mở ngực vẫn được coi là kỹ thuật tiêu chuẩn. Từ những năm 1990, phẫu thuật nội soi đã dần dần được mở rộng chỉ định trong điều trị các bệnh lý lồng ngực trong đó có u trung thất. Nhiều báo cáo đã chỉ ra những ưu điểm của phương pháp tiếp cận nội soi như: giảm đau sau mổ, ít ảnh hưởng đến chức năng phổi, hồi phục nhanh sau mổ, ra viện sớm, hạn chế nhiễm trùng vết mổ, hiệu quả cao về mặt thẩm mỹ. Trong kỹ thuật này, phẫu thuật viên sử dụng với 3 hoặc 4 đường rạch da để đưa ống kính nội soi và dụng cụ vào để thao tác.

Năm 2004, phẫu thuật nội soi lồng ngực một lỗ lần đầu tiên được báo cáo bởi Rooco. Điểm khác biệt trong cách tiếp cận một lỗ so với nhiều lỗ truyền thống là phẫu thuật viên chỉ sử dụng